

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIỂU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2017/DS-ST
Ngày: 14-7-2017
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về vay tài sản.

**“NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH”**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Thúy Hằng

2. Ông Nguyễn Văn Bé

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Màu – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2016/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2017/QĐXX-ST ngày 22 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Đồng nguyên đơn: Ông Mai Thành L., sinh năm 1956; Bà Cao Thị D., sinh năm 1958; (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T2, xã H., huyện T., tỉnh Trà Vinh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D.: Luật sư Nguyễn Văn T., Văn phòng Luật sư V.T thuộc Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

2. Đồng bị đơn:

Bà Nguyễn Thị D., sinh năm 1969; (Có mặt)

Ông Lý Kim C., sinh năm 1970; (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp M., xã H., huyện T., tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2017, đơn thay đổi nội dung yêu cầu khởi kiện ngày 27/3/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. trình bày:

Vào năm 2015, 2016 ông L. bà D. có cho bà Nguyễn Thị D. vay số tiền cụ thể như sau:

Ngày 30/12/2015, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 25.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 500.000 đồng. Khi đóng lãi thì hai bên không có làm biên nhận, nhưng khi bà Nguyễn Thị D. đến đóng lãi thì bà Nguyễn Thị D. gạch bỏ ở số lần vay sau đó ghi tiếp ở tháng tiếp theo, đến nay bà Nguyễn Thị D. chưa trả vốn.

Ngày 01/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 04/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 2.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 02 tháng bằng 80.000 đồng, chưa trả vốn.

Ngày 05/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 06/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà N D. vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị

D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 05 tháng bằng 1.000.000 đồng và chưa trả vốn.

Ngày 08/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 8.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 08/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 15.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 09/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 23.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 02 tháng bằng 920.000 đồng, chưa trả vốn.

Ngày 11/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 20.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 14/01/2016, bà Nguyễn Thị D. có đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 17/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 20.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn.

Ngày 17/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 2.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D.

có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 2 tháng bằng 80.000 đồng, chưa trả vốn.

Ngày 18/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 2 tháng bằng 400.000 đồng, chưa trả vốn.

Ngày 19/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 20.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Đối với khoản vay này bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 05 tháng bằng 2.000.000 đồng, từ đó đến nay không đóng lãi cũng như trả vốn.

Ngày 19/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 23.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi được 04 tháng bằng 1.840.000 đồng, chưa trả vốn.

Ngày 26/01/2016, bà Nguyễn Thị D. đến trực tiếp nhà của ông L. bà D. vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, từ khi vay tiền đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi và trả vốn. Theo sổ thì bà Nguyễn Thị D. ghi là ngày 26/12/2016 sau đó do nhầm nên bà Nguyễn Thị D. gạch bỏ và ghi lại là ngày 26/01/2016.

Tổng cộng các lần vay bà Nguyễn Thị D. còn nợ lại ông Mai Thành L. bà Cao Thị D. số tiền bằng 218.000.000 đồng. Các khoản vay này bà Nguyễn Thị D. là người trực tiếp giao dịch với ông L. bà D., ông Lý Kim C. là chồng bà Nguyễn Thị D. không trực tiếp giao dịch với ông L. bà D.. Nhưng sau khi cho vay, ông L. bà D. có đến nhà bà Nguyễn Thị D. yêu cầu trả tiền thì ông Lý Kim C. cũng có mặt và biết được sự việc.

Trong cuốn sổ theo dõi các lần nhận tiền có thể hiện tên Cô Chính, Hai Beo, Cô Tuyên, Cô Linh, Mợ Út Nhỏ, Tư Buôn; là do bà Nguyễn Thị D. tự ý ghi vào, ông L. bà D. không đồng ý nên đã lấy viết xóa bỏ.

Nay ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. yêu cầu bà Nguyễn Thị D. và ông Lý Kim C. cùng có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. các khoản vay tổng số tiền bằng 218.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ lần vay cuối vào ngày 26/01/2016 cho đến khi xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,125%/tháng. Đối với số tiền lãi mà ông L. bà D. đã nhận ông L. bà D. đồng ý cản trừ.

Tại bản tự khai ngày 17/03/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị D. trình bày:

Bà Nguyễn Thị D. không đồng ý với lời trình bày của ông L. bà D.. Bà Nguyễn Thị D. chỉ thừa nhận có vay của ông L. và bà D. số tiền cụ thể như sau:

- Ngày 26/12/2015, bà Nguyễn Thị D. có vay của ông L. và bà D. số tiền bằng 10.000.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận và cũng không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nhưng bà Nguyễn Thị D. có viết vào cuốn sổ theo dõi giao cho ông L. và bà D. giữ, lãi suất thỏa thuận 10.000.000 đồng một tháng đóng 900.000 đồng, bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi cho ông L. bà D. đến ngày 26/01/2016 là 02 tháng bằng 1.800.000 đồng. Từ ngày 26/02/2016 cho đến nay bà Nguyễn Thị D. không có đóng lãi cho ông L. bà D. cũng chưa trả vốn. Nay bà Nguyễn Thị D. đồng ý có trách nhiệm trả đối với khoản vay này số tiền bằng 10.000.000 đồng, đối với tiền lãi đã đóng bằng 1.800.000 đồng bà Nguyễn Thị D. yêu cầu cản trừ vào số tiền vốn gốc và bà Nguyễn Thị D. đồng ý trả lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày 26/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

- Ngày 06/01/2016, bà Nguyễn Thị D. có giới thiệu cho bà Út Nhỏ đến nhà ông L. bà D. để hỏi vay số tiền bằng 10.000.000 đồng, bà Út Nhỏ là người nhận tiền trực tiếp từ ông L. và bà D.. Ông L. bà D. và bà Út Nhỏ cũng thỏa thuận lãi suất là 10.000.000 đồng một tháng đóng 900.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả vốn. Chữ viết trong cuốn sổ theo dõi do ông L. và bà D. cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà Nguyễn Thị D., do bà Nguyễn Thị D. là người đứng ra bảo lãnh nên bà Nguyễn Thị D. đã ghi vào cuốn sổ theo dõi. Tiền lãi đối với khoản vay này, bà Út Nhỏ giao tiền cho bà Nguyễn Thị D. đóng lãi cho ông L. bà D. được 06 tháng bằng 5.400.000 đồng. Nay bà Nguyễn Thị D. cũng đồng ý có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. số tiền vốn vay bằng 10.000.000 đồng, số tiền lãi đã đóng bà Nguyễn Thị D. yêu cầu cản trừ vào vốn gốc và bà Nguyễn Thị D. đồng ý trả lãi theo lãi suất quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 18/01/2016, bà Nguyễn Thị D. có vay của ông L. và bà D. số tiền bằng 10.000.000 đồng, số tiền này là bà Nguyễn Thị D. vay dùm cho bà Tư Buônl, bà Nguyễn Thị D. có đóng lãi cho ông L. và bà D. được 03 tháng là 3.700.000 đồng. Nay

bà Nguyễn Thị D. đồng ý có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. số tiền vốn vay bằng 10.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị D. yêu cầu cân trừ lãi đã đóng bằng 3.700.000 đồng vào vốn gốc và bà Nguyễn Thị D. cũng đồng ý trả lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đối với các khoản vay khác ông L. và bà D. khởi kiện, bà Nguyễn Thị D. không thừa nhận, không đồng ý có trách nhiệm trả và chữ viết trong cuốn sổ theo dõi không phải do bà Nguyễn Thị D. viết.

Tại bản tự khai ngày 17/3/2017 bị đơn ông Lý Kim C. trình bày:

Giao dịch vay tiền giữa bà Nguyễn Thị D. với ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. ông Lý Kim C. không biết nên ông Lý Kim C. không đồng ý cùng có trách nhiệm trả số tiền vay cho ông L. và bà D..

Ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. là luật sư Nguyễn Văn T.:

Bà Cao Thị D. và ông Mai Thành L. khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị D. và ông Lý Kim C. phải có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. số tiền vốn vay bằng 218.000.000 đồng qua 16 lần vay và yêu tính lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng từ ngày 26/01/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Đối với các khoản lãi mà ông L. bà D. đã nhận của bà Nguyễn Thị D., ông L. và bà D. đồng ý cân trừ.

Xét yêu cầu khởi kiện của ông L. và bà D. là có cơ sở chấp nhận, vì theo hồ sơ thể hiện và trong quá trình tố tụng mặc dù bà Nguyễn Thị D. chỉ thừa nhận có vay của ông L. và bà D. 03 khoản vay tổng cộng bằng 30.000.000 đồng còn các khoản vay khác bà Nguyễn Thị D. không thừa nhận và cũng không thừa nhận chữ viết trong cuốn sổ theo dõi mà ông L. và bà D. cung cấp cho Tòa án. Do đó, ông L. và bà D. đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết của bà Nguyễn Thị D. và tại Kết luận giám định số 137/KLGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: “Chữ viết trong các tờ giấy do nguyên đơn ông L. bà D. cung cấp cho Tòa án và các mẫu chữ, số viết do Tòa án thu thập của bà Nguyễn Thị D. tại Tòa án là do cùng một người viết ra”. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị D. thừa nhận tất cả chữ viết trong cuốn sổ theo dõi do ông L. và bà D. cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà Nguyễn Thị D..

Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào lời khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471; Điều 474, Điều 476 và Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D..

Đối với đồng bị đơn ông Lý Kim C., mặc dù ông Lý Kim C. không thừa nhận có giao dịch với ông L. bà D.. Nhưng sau khi vay tiền, bà Nguyễn Thị D. không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi thì ông L. bà D. có đến nhà của bà Nguyễn Thị D. và ông Lý Kim C. yêu cầu trả tiền thì ông C. cũng có mặt và biết được sự việc. Mặc khác, giữa ông Lý Kim C. và bà Nguyễn Thị D. vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân và việc vay tiền này xảy ra trong thời kỳ hôn nhân do đó, xác nhận đây là nợ chung của hai vợ chồng nên ông Lý Kim C. phải có trách nhiệm cùng trả nợ vay với bà Nguyễn Thị D. là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Lý Kim C. cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ vay cho ông L. bà D..

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu chứng cứ sau đây: *Giấy chứng minh nhân dân tên Mai Thành L., Cao Thị D. (bản pho to); Sổ hộ khẩu tên Mai Thành L. (bản pho to); Cuốn sổ theo dõi các lần nhận nợ (bản gốc).*

Bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Bị đơn thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền 10.000.000 đồng vào ngày 26/12/2015; 10.000.000 đồng vào ngày 06/01/2016; 10.000.000 đồng vào ngày 18/01/2016. Đây là tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các tình tiết các bên đã thống nhất: Bị đơn thống nhất có trách nhiệm trả cho nguyên đơn đối với 03 lần vay số tiền bằng 30.000.000 đồng.

Các tình tiết các bên không thống nhất: Bị đơn không thừa nhận các khoản vay khác và không thừa nhận chữ viết trong cuốn sổ theo dõi do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là của bị đơn.

Ý kiến trình bày của Kiểm sát viên:

- Về tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án còn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự; Áp dụng Điều

471; Điều 474; Điều 476 và Điều 477 của Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D., buộc bà Nguyễn Thị D. có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. số tiền vốn vay bằng 218.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,125%/tháng là 43.164.000 đồng, căn trừ vào số tiền lãi nguyên đơn đã nhận là 6.820.000 đồng. Ông Lý Kim C. không có trách nhiệm cùng trả do không có cơ sở để chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lý Kim C. có đơn xin giải quyết xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đồng bị đơn ông Lý Kim C..

[2]. Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa đồng nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. yêu cầu bà Nguyễn Thị D. và ông Lý Kim C. phải có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. số tiền vốn vay bằng 218.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 26/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,125%/tháng, đối với số tiền lãi 6.820.000 đồng ông L. bà D. đã nhận thì ông L. bà D. đồng ý căn trừ.

Tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị D. chỉ thừa nhận có vay của ông L. và bà D. các khoản vay vào ngày 26/12/2015 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Ngày 06/01/2016 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Ngày 18/01/2016 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Ngày 17/12/2015 số tiền bằng 2.000.000 đồng, các khoản vay khác bà Nguyễn Thị D. không thừa nhận và bà Nguyễn Thị D. đồng ý có trách nhiệm trả cho ông L. bà D. các khoản vay này với tổng số tiền bằng 32.000.000 đồng.

Tại biên bản hòa giải ngày 11/4/2017, bị đơn bà Nguyễn Thị D. chỉ thừa nhận đối với khoản vay vào ngày 26/12/2015 số tiền 10.000.000 đồng; Ngày 06/01/2016 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Ngày 18/01/2016 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Đối với khoản vay 2.000.000 đồng ngày 17/12/2015 và các khoản vay khác bà Nguyễn Thị D. không thừa nhận và cũng không thừa nhận chữ viết trong cuốn sổ theo dõi các lần nhận nợ do nguyên đơn cung cấp là chữ viết của bà Nguyễn Thị D..

Đồng nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. yêu cầu Tòa án ra Quyết định trưng cầu giám định đối với chữ viết của bà Nguyễn Thị D.. Tại Kết luận giám định số 137/KLGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận: “Chữ viết trong các tờ giấy do nguyên đơn ông L. bà D. cung cấp cho Tòa án và các mẫu chữ, số viết do Tòa án thu thập của bà Nguyễn Thị D. tại Tòa án là do cùng một người viết ra”.

Mặc dù trong các tờ giấy nguyên đơn ông L. và bà D. cung cấp cho Tòa án không thể hiện người giao tiền, người nhận tiền như một biên nhận vay mượn nợ nhưng có thể hiện chữ, số viết là của bà Nguyễn Thị D. và bà Nguyễn Thị D. cũng thừa nhận đối với khoản vay ngày 26/12/2015 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Ngày 06/01/2016 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Ngày 18/01/2016 số tiền bằng 10.000.000 đồng; Việc vay mượn tiền này hai bên không làm biên nhận với nhau mà chỉ ghi số tiền và ngày tháng năm vào cuốn sổ theo dõi để nhớ, như vậy thể hiện các bên giao dịch vay mượn với nhau chỉ ghi hình thức số tiền vay và ngày tháng năm để nhớ.

Sau khi có Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Trà Vinh, Tòa án có ra Thông báo số 20/TB-TA, ngày 04/5/2017 thông báo về kết luận giám định và đã tổng đạt trực tiếp cho bà Nguyễn Thị D., nhưng bà Nguyễn Thị D. không có ý kiến về kết luận giám định.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị D. thừa nhận toàn bộ chữ viết trong các tờ giấy do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà Nguyễn Thị D.. Theo bà Nguyễn Thị D. trình bày thì số tiền này là do ông L. bà D. cho những người như cô chính (Đinh Thị Q.), cô Tiền (Thạch Thị T.), Tư Buônl (Nguyễn Thị L.); Bảy Đồng (Đoàn Thị Bích P.); Cô Linh (Nguyễn Thị Mỹ L.); Hai Beo (Trần Văn B.) vay tiền, sau khi hai bên thống nhất số tiền cho vay, thỏa thuận lãi suất xong thì ông L. và bà D. điện thoại cho bà Nguyễn Thị D. đến nhà ông L. và bà D. để nhận tiền và ghi vào cuốn sổ theo dõi sau đó lấy tiền về giao lại cho Cô Tiền (Thạch Thị T.), Tư Buônl (Nguyễn Thị L.); Bảy Đồng (Đoàn Thị Bích P.); Cô Linh (Nguyễn Thị Mỹ L.); Hai Beo (Trần Văn B.). Vì bà Nguyễn Thị D. là người đứng ra bảo lãnh cho những người nói trên nên biên nhận mà bà Nguyễn Thị D. viết cho ông L. và bà D. phải ghi tên của những người này. Bà Nguyễn Thị D. là người lấy số tiền lãi của những người nói trên để đóng cho ông L. và bà D., lãi suất là 9%/tháng. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay ông L. và bà D. không thừa nhận có giao dịch với cô chính (Đinh Thị Q.), Cô Tiền (Thạch Thị T.), Tư Buônl (Nguyễn Thị L.); Bảy Đồng

(Đoàn Thị Bích P.); Cô Linh (Nguyễn Thị Mỹ L.); Hai Beo (Trần Văn B.) như bà Nguyễn Thị D. trình bày mà giao dịch trực tiếp với bà Nguyễn Thị D..

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/5/2017, chị Đinh Thị Q., chị Thạch Thị T., bà Nguyễn Thị L.; chị Đoàn Thị Bích P.; chị Nguyễn Thị Mỹ L. xác nhận không quen biết gì với ông L. và bà D. và không có lần nào đến nhà ông L. và bà D. vay tiền và cũng không nhờ bà Nguyễn Thị D. giới thiệu đến gặp ông L. và D. để vay tiền; Tại biên bản ghi lời khai ngày 23/6/2017, ông Trần Văn B. cũng xác nhận chỉ nghe tên ông L. và bà D. không biết mặt ông L. và bà D., ông B. chưa lần nào giao dịch vay mượn tiền của ông L. và bà D..

Từ những nhận định trên có cơ sở buộc bà Nguyễn Thị D. phải có trách nhiệm trả số tiền vay cho của ông L. và bà D. theo yêu cầu khởi kiện.

Đối với ông Lý Kim C. không thừa nhận có vay tiền của ông L. và bà D., giao dịch vay mượn này xảy ra giữa bà Nguyễn Thị D. và ông L. bà D., ông C. hoàn toàn không biết, nên ông C. không đồng ý có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị D. trả số tiền này cho ông L. và bà D.. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn cũng thừa nhận chỉ giao dịch vay tiền với bà Nguyễn Thị D., ông C. không đến trực tiếp vay mặc dù sau khi bà Nguyễn Thị D. không thực hiện nghĩa vụ đóng lãi, ông L. bà D. có đến nhà bà Nguyễn Thị D. để đòi nợ thì có mặt ông C. và ông C. cũng biết được sự việc này. Từ đó cơ sở cho rằng ông Lý Kim C. không trực tiếp vay tiền của ông L. bà D., mọi giao dịch xảy ra đều là giữa bà Nguyễn Thị D. với ông L. bà D..

[3]. Về lãi suất:

Bị đơn bà Nguyễn Thị D. cho rằng số tiền lãi đã đóng là cao hơn rất nhiều so với quy định của nhà nước nên đề nghị Tòa án xem xét cân trừ lại. Bà Nguyễn Thị D. trình bày có đóng lãi cho ông L. và bà D. đối với 03 khoản vay bằng 10.900.000 đồng, nhưng bà Nguyễn Thị D. không có chứng cứ gì để chứng minh việc đóng lãi này.

Đồng nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. thừa nhận có nhận lãi của bà Nguyễn Thị D. tổng cộng bằng 6.820.000 đồng. Nay yêu cầu Tòa án tính lãi trên tổng số tiền 218.000.000 đồng kể từ ngày 26/01/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 1,125%/tháng, đối với số tiền lãi đã nhận ông L. bà D. đồng ý cân trừ, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông L. bà D. không trái đạo đức, được pháp luật thừa nhận. Số tiền lãi được tính như sau:

Từ ngày 26/01/2016 đến ngày 14/7/2017 là 17 tháng 18 ngày x 218.000.000 đồng x 1,125% = 43.164.000 đồng – 6.820.000 đồng (số tiền lãi đã nhận trước đó) = 36.344.000 đồng.

Từ những nhận định trên nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D., chấp nhận lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, chấp nhận một phần lời đề nghị của vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Buộc bà Nguyễn Thị D. có trách nhiệm trả cho ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. số tiền bằng 254.344.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay bằng 218.000.000 đồng; tiền lãi 36.344.000 đồng).

Về án phí: Nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. không phải chịu án phí; Bị đơn bà Nguyễn Thị D. phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về chi phí giám định: Bà Nguyễn Thị D. phải chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 26; Điều 35; Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 161; khoản 1 Điều 228; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 và Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D.;

Buộc bà Nguyễn Thị D. phải trả cho ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. số tiền bằng 254.344.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay bằng 218.000.000 đồng; tiền lãi 36.344.000 đồng tính từ ngày 26/01/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm là 17 tháng 18 ngày x 218.000.000 đồng x 1,125% = 43.164.000 đồng – 6.820.000 đồng (số tiền lãi đã nhận trước đó) = 36.344.000 đồng).

Ông Lý Kim C. không có trách nhiệm cùng với bà Nguyễn Thị D. trả cho ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. số tiền bằng 254.344.000 đồng (trong đó số tiền vốn vay bằng 218.000.000 đồng; tiền lãi 36.344.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D. phải chịu 12.717.200 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Nguyên đơn ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. không phải chịu án phí. Ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.332.515 đồng theo biên lai thu tiền 0008472; 501.484 đồng theo biên lai thu tiền 0008474; 722.125 đồng theo biên lai thu tiền số 0008480 và 519.734 đồng theo biên lai thu tiền số 0008481, cùng ngày 28 tháng 02 năm 2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Về chi phí giám định:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị D. phải chịu toàn bộ là 1.065.000 đồng để trả lại cho ông Mai Thành L. và bà Cao Thị D.;

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Thạch Thị Thu Hiền